| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH TÂY NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 693/2025/DS-PT
Ngày 29-9-2025
Tranh chấp hợp đồng dịch vụ

**NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Kim Nga

*Các Thẩm phán:* Ông Trần Tấn Quốc

Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trương Thị Tuyến – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thuỳ Dung – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 và 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 122/2025/TLPT-DS ngày 23 tháng 4 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 414/2024/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hoà (Toà án nhân dân Khu vực 3- Tây Ninh) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 161/2025/QĐ-PT ngày 16 tháng 5 năm 2025 và Thông báo mở lại phiên tòa số 60/TB-TA ngày 20 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ.

*Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ:*

1. Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Tây Ninh.

Địa chỉ: Khu V, xã Đ, tỉnh Tây Ninh.

2. Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Tây Ninh.

Địa chỉ: ấp M, xã M, tỉnh Tây Ninh.

3. Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Tây Ninh.

Địa chỉ: Số G Quốc lộ N, xã H, tỉnh Tây Ninh.

4. Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Tây Ninh.

Địa chỉ: Ấp B, xã H, tỉnh Tây Ninh.

5. Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Tây Ninh.

Địa chỉ: Đường B, ấp K, xã H, tỉnh Tây Ninh.

*Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã Đ:* ông Đặng Văn Ú, Trưởng phòng Kinh tế xã Đ, tỉnh Tây Ninh.

(Theo văn bản cử người tham dự phiên tòa số 548/UBND-TCD ngày 06/8/2025)

*Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã H*: bà Nguyễn Thị Hồng T, Chuyên viên Phòng Kinh tế xã H, tỉnh Tây Ninh.

(Theo giấy ủy quyền số 1001/GUQ-CT ngày 06/8/2025)

- *Bị đơn:* Công ty Trách nhiệm Hữu hạn T4.

Địa chỉ: số G, ấp C, xã H, tỉnh Tây Ninh.

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn:* ông Trần Quốc T1, sinh năm 1977.

Địa chỉ: ấp C, xã H, tỉnh Tây Ninh.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 14/3/2024).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Luật sư Nguyễn Sỹ T2, Công ty L, Đoàn Luật sư Thành phố H.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An.

*Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Ủy ban nhân dân huyện Đ:* Ủy ban nhân dân xã Đ, Ủy ban nhân dân xã M, Ủy ban nhân dân xã H, Ủy ban nhân dân xã H, Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Tây Ninh.

2. Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

*Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Ủy ban nhân dân xã Đ:* Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Tây Ninh.

3. Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

*Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Ủy ban nhân dân xã Đ:* Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Tây Ninh.

4. Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

6. Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

8. Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

*Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Ủy ban nhân dân xã H, H, Hòa Khánh T3:* Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Tây Ninh.

5. Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Long An.

*Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Ủy ban nhân dân xã T:* Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Tây Ninh.

7. Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Long An.

9. Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

*Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Ủy ban nhân dân xã T, Ủy ban nhân dân thị trấn H:* Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Tây Ninh.

- *Người kháng cáo:* bị đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn T4

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 28/6/2021, trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm, nguyên đơn Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ do ông Đặng Văn Ú đại diện trình bày:*

Thực hiện theo Đề án thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn huyện Đ được Uỷ ban nhân dân (UBND) huyện Đ phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 3220/QĐ-UBND ngày 06/6/2018. Phòng T đã xây dựng kế hoạch đấu thầu gồm: Dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện trình UBND huyện phê duyệt và tổ chức đấu thầu, lựa chọn nhà thầu thực hiện theo đúng quy định.

Căn cứ kết quả đấu thầu dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt năm 2019. Phòng T đã ký Hợp đồng với Công ty Trách nhiệm hữu hạn T4 (Công ty TNHH T4) về việc thu gom, vận chuyển rác thải tại gói thầu số 04 và gói thầu số 05 theo các Hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt số 04/2019/HĐDV ngày 09/4/2019, số 05/2019/HĐDV ngày 09/4/2019, số 040907/2019/HĐDV ngày 09/7/2019, số 050907/2019/HĐDV ngày 09/7/2019. Theo thỏa thuận trong hợp đồng thì Công ty TNHH T4 P phải nộp lại số tiền chênh lệch do thu phí vệ sinh thu được cao hơn giá trị trúng thầu theo hợp đồng nói trên với tổng số tiền là 1.564.455.793 đồng. Phòng T đã có 03 văn bản yêu cầu Công ty TNHH T4 nộp lại số tiền chênh lệch nêu trên.

Giai đoạn 06 tháng đầu năm 2020, Phòng T tiếp tục ký hợp đồng với Công ty TNHH T4 đối với gói thầu số 04 và số 05 theo Hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt số 040605/2020/HĐDV ngày 06/5/2020 và 050605/2020/HĐDV ngày 06/5/2020. Theo Hợp đồng thỏa thuận đã ký Công ty TNHH T4 P phải nộp lại số tiền chênh lệch do thu phí vệ sinh cao hơn giá trị trúng thầu theo hợp đồng nói trên vào ngân sách là 1.544.348.354 đồng. Hiện nay, Công ty TNHH T4 vẫn chưa thực hiện nộp lại khoản tiền chênh lệch này. Như vậy, tổng số tiền chênh lệch mà Công ty TNHH T4 P phải nộp lại theo các hợp đồng đã ký của năm 2019 và năm 2020 là 3.108.804.147 đồng.

Phòng T khởi kiện yêu cầu: Buộc Công ty TNHH T4 P phải nộp lại số tiền thu phí rác thải do chênh lệch thừa giữa giá trúng thầu và giá lập bộ thu phí vào ngân sách Nhà nước là 3.108.804.147 đồng theo nội dung các Hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt số 04/2019/HĐDV ngày 09/4/2019, Hợp đồng số 05/2019/HĐDV ngày 09/4/2019, Hợp đồng số 040907/2019/HĐDV ngày 09/7/2019, số 050907/2019/HĐDV ngày 09/7/2019, số 040605/2020/HĐDV ngày 06/5/2020 và số 050605/2020/HĐDV ngày 06/5/2020 đã ký kết giữa Phòng T với Công ty TNHH T4.

*Trong đơn yêu cầu phản tố ngày 20/12/2021, và các văn bản trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn Công ty TNHH T4 do ông Trần Quốc T1 đại diện trình bày:*

Công ty TNHH T4 không đồng ý với tất cả các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Công ty TNHH T4 có yêu cầu khởi kiện phản tố đối với Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ, cụ thể:

1. Yêu cầu Phòng T phải bồi thường 30% (tiền giữ lại quyết toán 30% hợp đồng năm 2018) cho Công ty TNHH T4 P là 430.635.259 đồng.

2. Yêu cầu Phòng Tài nguyên và môi trường huyện có trách nhiệm thanh toán tiền nợ của các xã chưa cấp bù do Phòng Tài nguyên chỉ đạo UBND các xã không thanh toán tiền thu gom rác (cấp bù 06 tháng cuối năm 2020) cho Công ty TNHH T4, tiền nợ của các UBND xã là 2.431.000.000đồng, cụ thể:

- Xã Đ còn nợ: 512.000.000 đồng;
- Xã Đ còn nợ: 910.000.000 đồng;
- Xã H còn nợ: 153.000.000 đồng;
- Xã T còn nợ: 78.000.000 đồng;
- Xã H còn nợ: 270.000.000 đồng;
- Xã T còn nợ: 270.000.000 đồng.
- Xã H còn nợ: 40.000.000đồng
- Thị Trấn H còn nợ: 198.000.000 đồng.

3. Yêu cầu Phòng Tài nguyên và môi trường huyện phải thanh toán cho Công ty TNHH T4 chi phí xử lý khối lượng rác do lập bộ không đúng, không xuất lệnh, dẫn đến rác tồn kho là 10.000 tấn tương đương số tiền phải xử lý rác là 10.500.000.000đồng. (Theo nội dung cuộc họp ngày 05/11/2019 của UBND huyện Đ về việc thanh lý hợp đồng 6 tháng đầu năm 2019 và ký hợp đồng 6 tháng cuối năm 2019 với 2 gói thầu số 4 và số 05 đối với Công ty TNHH T4. Tuy nhiên, Phòng tài nguyên môi trường huyện không xuất lệnh, khống chế, chỉ cho phép Nhà máy xử lý rác của Công ty cổ phần Vietstar - Củ Chi Thành phố H nhận của Công ty TNHH T4 là 46.000 kg/ngày, dẫn đến số rác còn tồn đọng và gây thiệt hại như nêu trên).

4. Yêu cầu Phòng T phải trả cho Công ty TNHH T4 chi phí thuê kho tạm tại xã Đ để chứa rác trong 37 tháng x 33.000.000đ/tháng (từ 01/12/2018 đến 31/12/2021) là: 1.221.000.000đồng.

Công ty TNHH T4 P yêu cầu Phòng T phải thanh toán cho Công ty TNHH T4 đối với 04 yêu cầu trên tổng số tiền là 14.582.635.259 đồng.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện Đ có ý kiến trình bày tại Văn bản số 11408/UBND-NC ngày 06/9/2023 như sau:*

1.1 Kết quả thực hiện chủ trương theo Đề án thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt giai đoạn 2016 -2020 của huyện Đ:

Theo Đề án thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn huyện được UBND huyện phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 3220/QĐ-UBND ngày 06/6/2018, Phòng T đã xây dựng Kế hoạch đấu thầu: Dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải trên địa bàn huyện năm 2019 trình UBND huyện phê duyệt và tổ chức đấu thầu, lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định. Trên cơ sở kết quả đấu thầu, Phòng T đã ký hợp đồng với đơn vị trúng thầu thu gom, vận chuyển rác thải năm 2019 và 06 tháng đầu năm 2020 đối với 05 gói thầu cụ thể:

- Gói thầu số 1: Thu gom, vận chuyển rác thải tại xã L, xã A, xã A, xã H, thị trấn H. Đơn vị trúng thầu: Công ty Cổ phần C.

- Gói thầu số 2: Thu gom, vận chuyển rác thải tại xã Đ, xã M, xã M, xã Đ, xã Đ. Đơn vị trúng thầu: Hợp tác xã T5.

- Gói thầu số 3: Thu gom, vận chuyển rác thải xã H và Thị trấn Đ. Đơn vị trúng thầu: Công ty TNHH M.

- Gói thầu số 4: Thu gom, vận chuyển rác thải tại xã Đ và xã Đ. Đơn vị trúng thầu: Công ty TNHH T4.

- Gói thầu số 5: Thu gom, vận chuyển rác thải tại thị trấn H, xã T, xã T, xã H, xã H, xã H. Đơn vị trúng thầu: Công ty TNHH T4.

Gói thầu số 1 và Gói thầu số 3 đã thực hiện việc quyết toán, thanh lý xong.

Đối với Gói thầu số 02 theo nội dung Hợp đồng, HTX T5 Môi trường Công nghiệp xanh nộp lại tiền thu phí rác thải do chênh lệch thừa giữa giá trúng thầu và giá lập bộ thu phí vào ngân sách Nhà nước, với số tiền lại là 309.456.181 đồng. HTX T5 đã thực hiện xong việc nộp tiền vào ngân sách Nhà nước.

Đối với Gói thầu số 04 và số 05 thuộc trường hợp phải nộp lại tiền chênh lệch do thu phí vệ sinh cao hơn giá trị trúng thầu theo hợp đồng, cụ thể: năm 2019 Công ty TNHH T4 phải nộp lại số tiền 1.564.455.793 đồng và 06 tháng đầu năm 2020 Công ty nộp lại 1.544.348.354 đồng. Như vậy, tổng số tiền mà Công ty TNHH T4 P phải nộp vào Ngân sách nhà nước là 3.108.804.147 đồng. Phòng T đã nhiều lần phát hành văn bản thông báo, làm việc yêu cầu Công ty TNHH T4 nộp lại số tiền chênh lệch theo hợp đồng nhưng Công ty TNHH T4 P không thực hiện.

1.2. Kết quả thực hiện chỉ đạo của UBND huyện Đ theo công văn số 12227/UBND-SX ngày 09/10/2020 (về số tiền giữ lại quyết toán 30% hợp đồng năm 2018):

Thực hiện Công văn số 12227/UBND-SX ngày 09/10/2020 của UBND huyện về việc thanh toán 30% kinh phí giữ lại trong năm 2018 của Công ty TNHH T4. UBND huyện chỉ đạo UBND các xã, thị trấn kiểm tra, rà soát khối lượng mà các xã, thị trấn đã ký kết với đơn vị thu gom so với khối lượng đơn vị thu gom đưa đi xử lý tại khu xử lý Vietstar để tính toán chênh lệch tiền xử lý đã thanh toán cho Công ty Cổ phần V.

Qua kiểm tra, rà soát khối lượng mà các xã, thị trấn đã ký kết với đơn vị thu gom so với khối lượng đơn vị thu gom đưa đi xử lý tại khu xử lý Vietstar để tính toán chênh lệch tiền xử lý đã thanh toán cho Công ty Cổ phần V trong năm 2018, như sau:

UBND xã Đ, Đ và thị trấn H ký hợp đồng thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt năm 2018. Cụ thể khối lượng rác thải như sau:

+ Xã Đ: Ký hợp đồng thu gom, vận chuyển năm 2018, khối lượng 578,19 tấn/tháng x 12 tháng = 6.938,28 tấn/năm. Đã quyết toán 70%, còn giữ lại 30% kinh phí với số tiền là 258.840.000 đồng.

+ Xã Đ: Ký hợp đồng thu gom, vận chuyển năm 2018, khối lượng 563,04 tấn/tháng x 12 tháng = 6.756,48 tấn/năm. Đã quyết toán 70%, còn giữ lại 30% kinh phí với số tiền là 160.065.864 đồng.

+ Thị trấn H: Ký hợp đồng thu gom, vận chuyển tháng 11 và tháng 12/2018, khối lượng 201,18 tấn/tháng x 02 tháng = 402,36 tấn/năm. Đã quyết toán 70%, còn giữ lại 30% kinh phí với số tiền là 14.880.000 đồng.

Tổng số tiền xã Đ, xã Đ và thị trấn H còn giữ lại (30% kinh phí quyết toán năm 2018) là 433.785.864 đồng. Khối lượng 03 đơn vị xã, thị trấn đã ký hợp đồng trong năm 2018 là 14.097,12 tấn/năm. Qua đối chiếu khối lượng mà Công ty TNHH T4 đã xử lý tại nhà máy V năm 2018 là 16.929,47 tấn/năm, cao hơn hợp đồng 2.832,35 tấn/năm, tương ứng với kinh phí xử lý (ngân sách đã chi trả) = 2.832,35 tấn x 476.500 đồng/tấn = 1.349.614.775 đồng. Do đó, ngân sách đã chi trả cao hơn (1.349.614.775 đồng) nên không có cơ sở xem xét quyết toán 30% còn lại của năm 2018 (433.785.864 đồng) cho Công ty TNHH T4.

1.3. Kết quả thực hiện quan điểm chỉ đạo của UBND huyện Đ tại Công văn số 6056/UBND-SX ngày 04/6/2021 (về chỉ đạo UBND các xã, thị trấn dừng thực hiện thanh toán cho Công ty T4):

Theo nội dung tại Công văn số 6056/UBND-SX ngày 04/6/2021 của UBND huyện chỉ đạo UBND các xã, thị trấn chưa thực hiện thanh toán cho Công ty (thời điểm từ tháng 07/2020), tạm ngưng thanh toán đến khi Công ty TNHH T4 thực hiện hoàn tất các nội dung: thu gom, vận chuyển, xử lý toàn bộ lượng rác thải tại kho chứa tại ấp E, xã Đ và thực hiện nộp phần kinh phí chênh lệch theo hợp đồng đã ký kết với Phòng T.

Đến nay, do Công ty TNHH T4 chưa thực hiện các nội dung trên, nên chưa có cơ sở xem xét, thanh toán cho Công ty. Đồng thời, người đại diện cho UBND huyện Đ có đề nghị xét xử vắng mặt.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã Đ có ý kiến trình bày tại văn bản ngày 10/12/2022 như sau:*

Ủy ban nhân dân xã Đ không có ký Hợp đồng xử lý rác thải với Công ty TNHH T4 P trong tháng 7 và tháng 8 năm 2020 nên không có căn cứ xuất hóa đơn, không chi được kinh phí cấp bù. Vào thời điểm tháng 7, 8 năm 2020, ngoài Công ty TNHH T4 thì còn có những đơn vị khác thu gom xử lý rác thải trên địa bàn xã Đ nên không thể xác định được khối lượng rác cũng như số tiền mà Công ty TNHH T4 P đã thu gom tại xã Đ. Do đó, Công ty TNHH T4 yêu cầu hoàn trả kinh phí cấp bù 512.000.000 đồng là không có căn cứ. Đối với số tiền giữ lại 30% giá trị hợp đồng của năm 2018 là 258.840.000 đồng thì UBND xã Đ thừa nhận có giữ lại số tiền này theo chỉ đạo tại Văn bản số 12.227/UBND-SX ngày 19/10/2020 (để rà soát

lại khối lượng rác thải mà Công ty TNHH T4 đưa về Công ty xử lý). Nay người đại diện UBND xã Đ xin xét xử vắng mặt tại Tòa án các cấp.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã Đ có ý kiến trình bày tại văn bản ngày 29/12/2022 như sau:*

UBND xã Đ thừa nhận còn nợ kinh phí cấp bù của các tháng 8, 9, 10, 11, 12 năm 2020 chưa thanh toán cho Công ty TNHH T4 P là 911.837.100 đồng. Đối với số tiền 30% giá trị hợp đồng năm 2018, xác định UBND còn giữ lại số tiền này của Công ty TNHH T4 P với số tiền là 160.065.864 đồng.

Căn cứ chỉ đạo của UBND huyện Đ theo Văn bản số 6056/UBND-SX ngày 04/6/2021 nên UBND xã Đ chưa thực hiện thanh toán chi phí thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt cho Công ty TNHH T4 để chờ kết quả xử lý kho rác do Công ty TNHH T4 vi phạm chứa rác không đúng qui định. Nay người đại diện UBND xã Đ xin xét xử vắng mặt tại Tòa án các cấp.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã H có ý kiến trình bày tại văn bản ngày 05/4/2024 như sau:*

Ủy ban nhân dân xã H xác định tháng 7, 8 năm 2020 Công ty TNHH T4 có thu gom rác tại địa bàn xã H theo kết quả trúng thầu nhưng do không ký được hợp đồng nên không có cơ sở để xuất hóa đơn, không chi được kinh phí cấp bù. Ngoài ra khi thu gom rác thì Công ty TNHH T4 đã có thu phí thu gom rác thải từ hộ dân. Số tiền 153.000.000 đồng Công ty TNHH T4 P yêu cầu xã H thanh toán là kinh phí cấp bù. Vì giữa UBND xã H và Công ty TNHH T4 P không có ký hợp đồng nên không chi được kinh phí cấp bù. Ngoài ra, UBND xã H xác định không có nợ Công ty TNHH T4 30% giá trị hợp đồng năm 2018. Nay người đại diện UBND xã H xin xét xử vắng mặt tại Tòa án các cấp.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã T có ý kiến trình bày tại văn bản ngày 14/11/2022 như sau:*

Ủy ban nhân dân xã T xác định tháng 7, 8 năm 2020, Công ty TNHH T4 có thu gom rác tại địa bàn xã T theo kết quả trúng thầu nhưng do không có ký được hợp đồng nên không có cơ sở để xuất hóa đơn. Ngoài ra khi thu gom rác thì Công ty TNHH T4 đã có thu phí thu gom rác thải từ hộ dân. Số tiền 78.000.000 đồng Công ty TNHH T4 P yêu cầu xã T thanh toán là kinh phí cấp bù. Tuy nhiên, để UBND xã có căn cứ thanh toán thì phải có ký hợp đồng và phải xuất hóa đơn. Do Công ty TNHH T4 P không ký được hợp đồng với công ty xử lý rác nên đến tháng 9 năm 2020 UBND xã T hủy kết quả đấu thầu với Công ty TNHH T4 P và ký lại Hợp đồng với đơn vị xử lý rác khác là Công ty Q vào ngày 23/10/2020 theo Hợp đồng số 746/2020/HDDV. Do đó, UBND xã T không có cơ sở thanh toán kinh phí cấp bù cho Công ty TNHH T4 của tháng 7, 8 năm 2020. Nay người đại diện UBND xã T xin xét xử vắng mặt tại Tòa án các cấp.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã H có ý kiến trình bày tại văn bản ngày 14/11/2022 và ngày 16/9/2024 như sau:*

Ủy ban nhân dân xã H có ký Hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt với Công ty TNHH T4 (Hợp đồng số 06/2020/HĐDV ngày 30/6/2020). Trên thực tế, Công ty TNHH T4 có thu gom rác trên địa bàn xã H nên xã có cấp bù

chi phí thu gom vận chuyển và xử lý rác thải rắn cho Công ty TNHH T4 mỗi tháng là 44.170.000 đồng. Đến thời điểm hiện nay, Ủy ban nhân dân xã H còn nợ tiền Công ty TNHH T4 06 tháng của giai đoạn từ tháng 01 năm 2021 đến tháng 6 năm 2021 là 272.525.685 đồng. Căn cứ chỉ đạo của Ủy ban nhân dân huyện Đ theo Văn bản số 6056/UBND-SX ngày 04/6/2021 nên UBND xã H chưa thực hiện thanh toán chi phí thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt 272.525.685 đồng cho Công ty TNHH T4 là để chờ kết quả xử lý kho rác do Công ty TNHH T4 vi phạm chứa rác không đúng qui định. Hiện tại số tiền này, theo yêu cầu của Phòng tài chính huyện Đ, ngày 13/12/2022, UBND xã H đã chuyển nộp vào Kho bạc Nhà nước huyện Đ. Nay UBND xã H xin vắng mặt trong quá trình Tòa án các cấp giải quyết vụ án.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã T có ý kiến trình bày tại văn bản ngày 20/11/2022 như sau:*

Ủy ban nhân dân xã T có ký Hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt với Công ty TNHH T4. Trên thực tế, Công ty TNHH T4 có thu gom rác trên địa bàn xã T các tháng 10, 11, 12 năm 2020 và các tháng 01, 02, 3, 4, 5 năm 2021. Đối với số tiền thu gom rác của các tháng 10, 11, 12 năm 2020, Ủy ban Nhân dân xã T đã thanh toán cho Công ty TNHH T4 với số tiền 136.179.000 đồng.

Đối với số tiền thu gom rác của các tháng 01, 02, 3, 4, 5 năm 2021, Ủy ban Nhân dân xã T chưa thanh toán cho Công ty TNHH T4, xác nhận còn nợ lại Công ty TNHH T4 P là 226.965.000 đồng. Lý do chưa thanh toán: Căn cứ chỉ đạo của Ủy ban nhân dân huyện Đ theo Văn bản số 6056/UBND-SX ngày 04/6/2021 nên UBND xã T chưa thực hiện thanh toán chi phí thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt cho Công ty TNHH T4 để chờ kết quả xử lý kho rác do Công ty TNHH T4 vi phạm chứa rác không đúng qui định. Đối với số tiền 30% giá trị hợp đồng năm 2018, xác định UBND xã T không có giữ lại số tiền này của Công ty TNHH T4. Nay UBND xã T xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã H có ý kiến trình bày tại văn bản ngày 15/11/2022 như sau:*

Công ty TNHH T4 là đơn vị trúng thầu thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn xã H. Nhưng do không tiến hành ký kết hợp đồng với UBND xã theo qui định pháp luật nên UBND xã H đã hủy kết quả trúng thầu của Công ty TNHH T4 theo Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 14/9/2020 của UBND xã H. Như vậy, UBND xã H và Công ty TNHH T4 P không có ký kết hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt. Trên thực tế, hai tháng 7, 8 năm 2020, Công ty TNHH T4 cũng không có thu gom rác thải trên địa bàn xã dẫn đến việc, lượng rác thải tại các khu dân cư đông bị ứ đọng. UBND xã H phải tạm giao việc thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải cho Công ty TNHH X. Như vậy, Công ty T4 P cho rằng UBND xã H còn nợ lại phí thu gom xử lý rác tháng 7, 8 năm 2020 là không có căn cứ. UBND xã H không đồng ý với yêu cầu của Công ty TNHH T4. Đối với số tiền 30% giá trị hợp đồng năm 2018, xác định UBND xã H không có giữ lại số tiền này của Công ty TNHH T4. Nay người đại diện UBND xã H xin xét xử vắng mặt tại Tòa án các cấp.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thị trấn H có ý kiến trình bày tại văn bản ngày 20/2/2024 như sau:*

UBND thị trấn H có ký Hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt với Công ty TNHH T4. Trên thực tế, Công ty TNHH T4 có thu gom rác trên địa bàn thị trấn H các tháng 7, 8, 9, 10, 11, 12 năm 2020. Đối với số tiền thu gom rác của các tháng 7, 8, 9, 10, 11, 12 năm 2020, UBND thị trấn H đã thanh toán cho Công ty TNHH T4, có xuất hóa đơn giá trị gia tăng và trình tự thanh toán như sau:

+ Căn cứ lệnh chuyển tiền kho bạc ngày 16/10/2020 đã thanh toán số tiền thu gom rác của các tháng 7, 8, 9/2020 theo hóa đơn số 00549 ngày 06/10/2020 với số tiền là: 298.283.637 đồng.

+ Căn cứ lệnh chuyển tiền kho bạc ngày 13/11/2020 đã thanh toán số tiền thu gom rác của các tháng 10/2020 theo hóa đơn số 00563 ngày 03/11/2020 với số tiền là: 99.427.879 đồng.

+ Căn cứ lệnh chuyển tiền kho bạc ngày 12/01/2021 đã thanh toán số tiền thu gom rác của các tháng 11/2020 theo hóa đơn số 00584 ngày 23/12/2020 với số tiền là: 99.427.879 đồng.

+ Căn cứ lệnh chuyển tiền kho bạc ngày 12/01/2021 đã thanh toán số tiền thu gom rác của các tháng 12/2020 theo hóa đơn số 00589 ngày 31/12/2020 với số tiền là: 99.427.879 đồng.

UBND thị trấn H xác định không có nợ Công ty TNHH T4 chi phí thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải (tháng 11, 12 năm 2020): 198.855.000đồng.

Đối với số tiền 30% giá trị hợp đồng năm 2018, UBND thị trấn H có giữ lại số tiền 14.880.000 đồng của Công ty TNHH T4. Nay người đại diện UBND thị trấn H xin xét xử vắng mặt tại Tòa án các cấp.

Vụ án được Toà án cấp sơ thẩm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng các đương sự không thoả thuận được với nhau.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 414/2024/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hoà đã căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 8, Điều 11, Điều 163, Điều 166, Điều 185, Điều 221 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1, 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ đối với Công ty TNHH T4.

2. Buộc Công ty TNHH T4 phải nộp lại số tiền thu phí rác thải do chênh lệch thừa giữa giá trúng thầu và giá lập bộ thu phí vào ngân sách Nhà nước theo các Hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt số 04/2019/HĐDV ngày 09/4/2019, Hợp đồng 05/2019/HĐDV ngày 09/4/2019, Hợp đồng số 040907/2019/HĐDV ngày 09/7/2019, Hợp đồng số 050907/2019/HĐDV ngày

09/7/2019, Hợp đồng số 040605/2020/HĐDV ngày 06/5/2020 và Hợp đồng số 050605/2020/HĐDV ngày 06/5/2020 với số tiền là 3.108.804.147đồng.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Công ty TNHH T4 đối với Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ về yêu cầu thanh toán tiền nợ của các xã chưa cấp bù gồm: xã Đ còn nợ: 911.837.100 đồng; Xã T còn nợ: 226.965.000 đồng; xã H còn nợ: 272.525.685 đồng; thị trấn H còn nợ: 198.855.000đồng. Tổng cộng 1.610.182.785 đồng.

3.1. Buộc Uỷ ban nhân dân các xã phải thanh toán tiền nợ của các xã chưa cấp bù cho Công ty T4 Phú gồm: xã Đ còn nợ: 911.837.100 đồng; xã T còn nợ: 226.965.000 đồng; xã H còn nợ: 272.525.685 đồng; thị trấn H còn nợ: 198.855.000đồng. Tổng cộng tiền nợ được thanh toán là 1.610.182.785 đồng.

3.2. Buộc Công ty TNHH T4 tiếp tục thực hiện theo Văn bản số 6056/UBND-SX ngày 04/6/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Đ. Tiếp tục tạm giữ số tiền 1.610.182.785 đồng của Công ty T4 nhận của các xã chưa cấp bù để đảm bảo cho việc thi hành án xử lý di dời kho rác do Công ty TNHH T4 vi phạm chứa rác không đúng qui định trong vụ án khác.

4. Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Công ty TNHH T4 đối với Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ, đối với các yêu cầu sau:

4.1. Yêu cầu Phòng Tài nguyên và môi trường huyện phải bồi thường 30% (tiền giử lại quyết toán 30% hợp đồng năm 2018) cho Công ty T4 P là 430.635.259 đồng.

4.2. Yêu cầu Phòng Tài nguyên và môi trường huyện có trách nhiệm thanh toán tiền nợ chưa cấp bù của UBND các xã (xã Đ, xã T, xã H, xã H) cho Công ty TNHH T4 P với số tiền nợ là 783.000.000 đồng.

4.3. Yêu cầu Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ phải trả cho Công ty TNHH T4 khối lượng rác do không xuất lệnh, rác tồn kho là 10.000 tấn tương đương số tiền nợ là 10.500.000.000đồng.

4.4. Yêu cầu Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Đ phải trả cho Công ty TNHH T4 chi phí thuê kho tạm tại xã Đ để chứa rác trong 37 tháng x 33.000.000đ/tháng (từ 01/12/2018 đến 31/12/2021) là 1.221.000.000đồng.

5. Tổng số tiền Công ty TNHH T4 yêu cầu khởi kiện đối với Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Đ không được chấp nhận là: 12.972.452.474 đồng *(Mười hai tỷ chín trăm bảy mươi hai triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn bốn trăm bảy mươi bốn đồng).*

6. Về án phí:

6.1. Buộc Công ty TNHH T4 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận là 94.176.083 đồng.

6.2. Buộc Công ty TNHH T4 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận trên số tiền 12.972.452.474 đồng là 120.972.452 đồng.

6.3. Công ty TNHH T4 P được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 61.151.500 đồng theo biên lai thu số 0009432 ngày 05/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa. Công ty TNHH T4 P phải nộp bổ sung số tiền 59.820.952 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/10/2024, bị đơn Công ty TNHH T4 P làm đơn kháng cáo không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ do các đơn vị kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng gồm Ủy ban nhân dân xã Đ, Ủy ban nhân dân xã M, Ủy ban nhân dân xã H, Ủy ban nhân dân xã H, Ủy ban nhân dân xã H do ông Đặng Văn Ú và bà Nguyễn Thị Hồng T đại diện không rút đơn khởi kiện, không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH T4.

Ông Đặng Văn Ú với vai trò là Phó Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ, hiện nay chuyển công tác sang Ủy ban nhân dân xã Đ, là người đại diện cho Ủy ban nhân dân xã Đ, là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ, tham gia vụ án từ giai đoạn đầu tiên khi Toà án thụ lý vụ án cùng bà Nguyễn Thị Hồng T đại diện cho Ủy ban nhân dân xã H người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, đồng thời cũng là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ thống nhất không rút đơn khởi kiện, không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của phía bị đơn, trình bày cho rằng, Toà án cấp sơ thẩm buộc Công ty TNHH T4 nộp lại số tiền chênh lệch thừa giữa giá trúng thầu và giá lập bộ thu phí vào ngân sách Nhà nước theo các hợp đồng đã giao kết giữa Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ và Công ty TNHH T4 P là 3.108.804.147 đồng là có căn cứ. Mặc dù Phòng T có văn bản đề nghị cấp bù tiền chênh lệch cho Công ty TNHH T4 do khối lượng rác thực tế nhiều hơn khối lượng rác do lập bộ, tuy nhiên do kết luận của cơ quan Công an xác định, Công ty TNHH T4 đã mang rác từ nơi khác về nên làm tăng khối lượng rác, vì vậy Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ không đồng ý cấp bù và khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH T4 hoàn trả số tiền chênh lệch do thu cao hơn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với phần này. Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn yêu cầu các xã phải cấp bù cho Công ty T4, Toà án cấp sơ thẩm buộc Ủy ban nhân dân thị trấn H thanh toán số tiền 198.855.000đồng thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại số tiền này không phù hợp vì Ủy ban nhân dân thị Trấn H đã thanh toán tiền cấp bù của hai tháng 11 và 12 năm 2020 cho Công ty TNHH T4 xong. Do Công ty TNHH T4 P sau khi đối chiếu đã rút yêu cầu khởi kiện Ủy ban nhân dân thị trấn H (nay là Ủy ban nhân dân xã H) trả số tiền 198.855.000đồng thì người đại diện Ủy ban nhân dân xã H đồng ý. Đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T4 yêu cầu các xã Đ, H, T và Hòa Khánh T3 thanh toán tiền nợ chưa cấp bù, mặc dù thực tế Công ty TNHH T4 có thu gom rác, tuy nhiên giữa các xã này và Công ty TNHH T4 chưa giao kết hợp đồng nên không có cơ sở để hoàn trả tiền cho Công ty TNHH T4. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH T4.

Bị đơn Công ty TNHH T4 do ông Trần Quốc T1 đại diện không rút đơn kháng cáo, giữ nguyên yêu cầu phản tố, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi

kiện của nguyên đơn, chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn. Ông Trần Quốc T1 đại diện cho Công ty TNHH T4 cùng Luật sư Nguyễn Sỹ T2 thống nhất đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ, chấp nhận yêu cầu kháng cáo và yêu cầu phản tố của Công ty TNHH T4, sửa bản án sơ thẩm, trình bày cho rằng, khối lượng rác thực tế và khối lượng rác lập bộ có sự chênh lệch khác nhau, việc chênh lệch này được sự kiểm tra của các cơ quan chuyên ngành, có lập biên bản thể hiện, Phòng T cũng đã có văn bản số 47/BC-PTNMT ngày 14/02/2020 hỗ trợ thanh toán chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải, đề nghị cấp bù cho Công ty TNHH T4, Báo cáo của Công an huyện Đ xác định Công ty TNHH T4 thu gom rác từ nơi khác tập kết về nhưng cũng không xác định được thu gom rác từ nơi nào tập kết về. Việc Công ty TNHH T4 thu khối lượng rác phát sinh vượt quá khối lượng rác lập bộ là do lỗi của Phòng T có sai sót khi lập bộ để đưa ra khối lượng thu gom, vận chuyển không chính xác.

Đối với yêu cầu phản tố của Công ty TNHH T4, yêu cầu 3 xã Đ, Đ, thị trấn H thanh toán 30% tiền giữ lại quyết toán hợp đồng năm 2018 thì các xã phải có trách nhiệm trả lại. Đối với yêu cầu của Công ty TNHH T4 yêu cầu các xã thanh toán số tiền nợ chưa cấp bù bị Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu gồm Ủy ban nhân dân xã Đ số tiền 512.000.000đồng, Ủy ban nhân dân xã H số tiền 153.000.000đồng, Ủy ban nhân dân xã T số tiền 78.000.000đồng, Ủy ban nhân dân xã H số tiền 40.000.000đồng thì thực tế Công ty TNHH T4 P có thu gom rác và chuyển xử lý nhưng chưa ký kết hợp đồng, việc không thanh toán tiền cấp bù 6 tháng cuối năm 2020 cho Công ty TNHH T4 đối với các đơn vị xã này gây thiệt hại cho Công ty TNHH T4. Riêng Ủy ban nhân dân thị trấn H qua đối chiếu số liệu, kiểm tra lại thì Công ty TNHH T4 P đồng ý với trình bày của ông Ú là đã nhận đủ số tiền cấp bù của 2 tháng 11 và 12 năm 2020 là 198.855.000đồng nên phía Công ty TNHH T4 P đồng ý không yêu cầu Ủy ban thị trấn H (nay là Ủy ban nhân dân xã H) trả số tiền và rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền này. Riêng số tiền mà Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty TNHH T4 là 1.610.182.785 đồng nhưng để lại cấn trừ nghĩa vụ thi hành án thì Công ty TNHH T4 cũng không đồng ý.

Ngoài ra Công ty TNHH T4 yêu cầu Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ do các Uỷ ban nhân dân cấp xã kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng trả tiền xử lý rác là 10.500.000.000đồng và 1.221.000.000đồng chi phí thuê kho để chứa rác do lượng rác tăng cao khi thu gom theo khối lượng thực tế.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc chấp hành pháp luật trong giai đoạn xét xử phúc thẩm cho rằng: Toà án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH T4 trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH T4 không đồng ý nộp lại số tiền 3.108.804.147 đồng thấy rằng:

Căn cứ các Hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt số 04/2019, Phụ lục hợp đồng số 04 ngày 05/11/2019, Hợp đồng số 05/2019 ngày 09/4/2019, Phụ lục hợp đồng số 05 ngày 05/11/2019 thỏa thuận thời hạn thực hiện hợp đồng từ tháng 01/2019 đến tháng 6/2019, Hợp đồng số 040907/2019 ngày 09/7/2019 và Hợp đồng số 050907/2019 ngày 09/7/2019 thỏa thuận thời hạn thực

hiện hợp đồng từ tháng 7/2019 đến tháng 12/2019 giữa Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ và Công ty TNHH T4 P thì theo thỏa thuận tiền thu phí vệ sinh cao hơn giá trị trúng thầu theo hợp đồng nên theo quy định của hợp đồng Công ty phải nộp lại số tiền chênh lệch này, cụ thể năm 2019 Công ty phải nộp lại số tiền 1.564.455.793 đồng và 06 tháng đầu năm 2020 Công ty nộp lại 1.544.348.354 đồng, tổng số tiền mà Công ty phải nộp vào Ngân sách nhà nước là 3.108.804.147 đồng. Tòa sơ thẩm căn cứ vào các hợp đồng trên và tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty T4 nộp lại số tiền này.

Theo Báo cáo số 289/BC-ĐCSKT ngày 24/3/2021 về kết quả xác minh hành vi vi phạm của Công ty TNHH T4 của Công an huyện Đ tại kho rác thuộc ấp E, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An cho rằng Công ty ngoài việc thu gom rác thải sinh hoạt trong dân còn liên kết với các đơn vị thu gom rác khác trên địa bàn, ngoài ra Công ty và các hộ dân lập còn đi thu gom rác trong các Công ty trên địa bàn huyện Đ, sau đó Công ty trộn rác sinh hoạt và rác công nghiệp lại rồi đem qua Công ty V xử lý. Tuy nhiên việc chứng minh khối lượng rác trong kho, phân loại rác gì là rất khó khăn do Công ty thu gom rác hình thức khoán trọn gói và sau khi thu gom Công ty lựa phế liệu trước mới cho nhập kho những loại không tái chế được nên Công an huyện Đ không có căn cứ để xác định khối lượng rác nhập về kho, không xác định được loại rác nào là thu gom trong công ty, loại rác nào thu gom từ dân.

Thực tế Công ty có ký kết hợp đồng thu gom rác thải công nghiệp, chứa rác ở kho chứa nơi khác và xử lý tại nhà máy xử lý khác, chứng cứ là các hợp đồng giữa Công ty T4 với Công ty CP T6 –Chi nhánh L1 ngày 01/4/2019 về thu gom rác thải rắn không nguy hại rác công nghiệp cho K; hợp đồng với CN Công ty TNHH K1 (Taserco) về thu gom rác thời gian từ ngày 01/6/2019 đến ngày 01/6/2020; hợp đồng số 03HĐKT/2020/TP-TĐ ngày 10/11/2020; Hợp đồng dịch vụ không ghi ngày tháng năm 2020 với Công ty Đ2 về việc cung cấp dịch vụ xử lý rác thải sinh hoạt và xử lý rác thải sinh hoạt công nghiệp từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/12/2020. Số tiền các bên tranh chấp không phải là tiền xử lý rác nên không thể căn cứ vào Báo cáo này làm căn cứ giải quyết vụ án.

Trong khi đó, theo Báo cáo số 47/BC-PTNMT ngày 14/02/2020 của Phòng T về việc rà soát, xác định nguồn gốc rác thải phát sinh do cân thực tế cao hơn lập bộ và hợp đồng đã ký đối với gói thầu số 4 và số 5 do Công ty T4 thực hiện đối với 06 xã, thị trấn thuộc huyện Đ 06 tháng cuối năm 2019 có nội dung xác định khối lượng rác theo lập bộ là 54.185kg/ngày nhưng khối lượng rác cân thực tế 84.606kg/ngày, khối lượng tăng cân so với Vietstar 2869,92 tấn/06 tháng và Phòng T báo cáo đề xuất hướng xử lý lượng rác thừa tồn động tại kho chứa tạm của Công ty bằng hình thức hỗ trợ thanh toán chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải đối với khối lượng rác chênh lệch giữa cân thực tế và khối lượng đổ tại nhà máy V 06 tháng cuối năm 2019 là 3.293.847.363 đồng. Sau khi khấu trừ kinh phí nộp lại là 1.564.455.794 đồng, ngân sách nhà nước hỗ trợ cho Công ty số tiền là 1.729.391.569 đồng, số tiền này được hỗ trợ khi Công ty TNHH T4 xử lý hết toàn bộ khối lượng rác còn tồn lại tại kho chứa của Công ty.

Người đại diện của nguyên đơn cho rằng Phòng T không đồng ý hỗ trợ và khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH T4 hoàn trả số tiền chênh lệch là do có kết luận tại Báo cáo số 289/BC-ĐCSKT của cơ quan công an huyện Đ xác định có lỗi của

Công ty TNHH T4 trong khi thu gom rác từ nơi khác đến và có sự trộn lẫn với rác thải công nghiệp nhưng theo nhận định ở trên không thể căn cứ vào kết luận của Báo cáo 289 làm căn cứ giải quyết vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 07/8/2025, người đại diện của Phòng T và Công ty TNHH T4 cũng thống nhất xác nhận việc cân khối lượng rác thực tế này theo từng tuyến đường và có mặt đại diện Phòng T, Công ty TNHH T4, đại diện ấp, UBND xã và Công an đều có mặt chứng kiến nên có cơ sở xác định thực tế có thiệt hại do việc thu gom rác trên địa bàn các xã nhiều hơn khối lượng rác lập bộ 6 tháng cuối năm 2019, do đó chấp nhận kháng cáo của Công ty T4 không phải hoàn trả cho Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ số tiền chênh lệch thừa do thu gom rác thực tế vào lập bộ vào 6 tháng cuối năm 2019 với tổng số tiền là 1.564.455.793 đồng.

Đối với số tiền chênh lệch thời điểm 6 tháng đầu năm 2019 và 6 tháng đầu năm 2020, do không có việc kiểm tra khối lượng thu gom rác thực tế trong thời gian này và Phòng T cũng không có ý kiến trong việc xác định lại số tiền trong các hợp đồng đã giao kết có tăng lên như Công ty T4 trình bày hay không nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH T4 đối với yêu cầu không thanh toán số tiền chênh lệch của 6 tháng đầu năm 2019 và 6 tháng đầu năm 2020.

Đối với kháng cáo của Công ty TNHH T4 yêu cầu Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện phải bồi thường 30% tiền giữ lại quyết toán hợp đồng năm 2018 là 430.635.259 đồng:

Căn cứ các hợp đồng dịch vụ, Báo cáo số 4056/BC-PTNMT ngày 08/12/2021 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ, Báo cáo số 249/BC-PTNMT ngày 02/8/2021, Báo cáo số 163/BC-PTP ngày 29/10/2021 của Phòng Tư pháp huyện Đức Hòa thì các xã Đ, Đ và thị trấn H còn giữ lại 30% kinh phí thu gom, vận chuyển rác năm 2018, Phòng T căn cứ vào việc đối chiếu khối lượng mà Công ty TNHH T4 đã xử lý tại Nhà máy V cao hơn hợp đồng và cho rằng do kinh phí xử lý rác thải mà ngân sách đã chi trả cao hơn số kinh phí 03 xã, thị trấn còn giữ lại nên không đồng ý chi trả số tiền này. Tuy nhiên, Công ty TNHH T4 chỉ phụ trách thu gom vận chuyển rác, còn việc xử lý rác là của Phòng Tài nguyên chịu trách nhiệm, các bên không có thỏa thuận cấn trừ tiền này vào số tiền xử lý rác nên việc các xã giữ lại số tiền này để chi trả cho kinh phí xử lý rác do cao hơn kinh phí dự tính là không phù hợp, kháng cáo của Công ty TNHH T4 có cơ sở chấp nhận.

Về yêu cầu kháng cáo các xã còn lại thanh toán số tiền nợ chưa cấp bù 6 tháng cuối năm 2020 cho Công ty T4:

Đối với yêu cầu thanh toán gồm Ủy ban nhân dân xã Đ số tiền 512.000.000đồng, Ủy ban nhân dân xã H số tiền 153.000.000đồng, Ủy ban nhân dân xã T số tiền 78.000.000đồng, và Ủy ban nhân dân xã H với số tiền 40.000.000đồng: Các bên đương sự đều xác nhận Công ty có thực hiện việc thu gom rác trên các địa bàn này nhưng lại chưa ký kết hợp đồng nên các xã không có cơ sở thanh toán kinh phí thu gom rác cho công ty, Công ty cũng không chứng minh được khối lượng rác thu gom và đưa xử lý do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo.

Về yêu cầu Ủy ban nhân dân thị trấn H hoàn trả số tiền cấp bù là 198.855.000đồng: tại phiên tòa phúc thẩm ngày 29/9/2025 Công ty TNHH T4 rút

yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và được người đại diện của Ủy ban nhân dân xã H đồng ý nên đề nghị HĐXX hủy một phần bản án sơ thẩm, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này của đương sự.

Do đó các xã có nghĩa vụ thanh toán số tiền cấp bù cho Công ty TNHH T4 là 1.610.182.785 -198.855.000 = 1.411.327.785 đồng, Tòa sơ thẩm tuyên tạm giữ số tiền này để đảm bảo cho việc thi hành án xử lý di dời kho rác do Công ty TNHH T4 vi phạm chứa rác không đúng qui định trong vụ án khác là không phù hợp do trong vụ án này UBND huyện Đ không có yêu cầu độc lập và Tòa án cũng chưa thụ lý yêu cầu này nên việc Tòa sơ thẩm chấp nhận giữ lại số tiền này không trả cho Công ty là không có cơ sở, kháng cáo của Công ty TNHH T4 là có căn cứ chấp nhận.

Về yêu cầu Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Đ trả số tiền 10.500.000.000đồng do không xuất lệnh, rác tồn kho và chi phí thuê kho tạm là 1.221.000.000đồng:

Công ty TNHH T4 giao kết hợp đồng với Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ cùng các xã thuộc huyện Đ để thực hiện việc thu gom rác trong nhiều năm nên phải dự liệu được các tình huống xảy ra trong trường hợp gia tăng khối lượng dẫn đến rác tồn kho, việc hỗ trợ kho lưu chứa và các chi phí phát sinh khác phải được sự đồng ý của bên giao kết hợp đồng, phải thỏa thuận hoặc đề xuất Ủy ban nhân dân huyện Đ và Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ có phương án hỗ trợ nhưng các đơn vị này không đồng ý với ý kiến của Công ty D không có cơ sở chấp nhận yêu cầu trả số tiền này của Công ty, kháng cáo của Công ty không có căn cứ chấp nhận.

Từ những căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty TNHH T4, sửa một phần bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH T4 được thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự tham gia tố tụng của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án do có sự sắp xếp lại tổ chức của các cơ quan chức năng tham gia tố tụng nên Toà án xác định lại tư cách tham gia tố tụng của các đương sự theo văn bản số 3791/UBND-NC ngày 03/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh T và Văn bản số 2589/SNV-XDCQ ngày 11/9/2025 của Sở Nội vụ, gồm người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ, của các Uỷ ban nhân dân cấp xã thuộc huyện Đ bao gồm: Ủy ban nhân dân xã Đ, Ủy ban nhân dân xã M, Ủy ban nhân dân xã H, Ủy ban nhân dân xã H và Ủy ban nhân dân xã H. Các đương sự được chuyển đổi được Toà án triệu tập hợp lệ, nhưng Ủy ban nhân dân xã M, Ủy ban nhân dân xã H, Ủy ban nhân dân xã H vắng mặt nên Toà án xét xử vắng mặt người đại diện hợp pháp của các Uỷ ban nhân dân xã này.

[3] Về nội dung vụ án: nguyên đơn Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ do Uỷ ban nhân dân các xã Đ, M, H, H, Hậu N kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng

khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH T4 phải nộp lại số tiền chênh lệch 3.108.804.147đồng vào ngân sách Nhà nước như đã thỏa thuận theo các Hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt số 04/2019/HĐDV ngày 09/4/2019, 05/2019/HĐDV ngày 09/4/2019, 040907/2019/HĐDV ngày 09/7/2019, 050907/2019/HĐDV ngày 09/7/2019, 040605/2020/HĐDV ngày 06/5/2020 và 050605/2020/HĐDV ngày 06/5/2020 đã ký kết giữa Phòng T với Công ty TNHH T4. Bị đơn Công ty TNHH T4 có yêu cầu phản tố yêu cầu Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ bồi thường 30% hợp đồng dịch vụ năm 2018 với số tiền 430.635.259đồng, yêu cầu Uỷ ban nhân dân các xã Đ, Đ, Hòa Khánh Đ, T, Hòa Khánh N1, T, Hòa Khánh T3, thị trấn H thanh toán cho Công ty TNHH T4 Phú tiền nợ gom rác 6 tháng cuối năm 2020 với số tiền 2.193.000.000đồng; yêu cầu Phòng T thanh toán cho Công ty TNHH T4 tiền xử lý rác với khối lượng rác thu gom chưa xử lý 10.000 tấn là 10.500.000.000đồng và chi phí thuê kho tạm tại xã Đ để chứa rác trong 37 tháng từ tháng 01/2018 đến tháng 12/2021 là 1.221.000.000đồng. Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty TNHH T4 về việc buộc Uỷ ban nhân dân các xã Đ, T, Hòa Khánh N1, thị trấn H thanh toán tiền còn nợ chưa cấp bù là 1.610.182.785 đồng, nhưng tiếp tục tạm giữ số tiền này để đảm bảo cho việc thi hành án, xử lý di dời kho chứa rác, đồng thời bác các yêu cầu phản tố còn lại của Công ty TNHH T4 về yêu cầu các Ủy ban nhân dân xã Đ, Hòa Khánh Đ, T và Hòa Khánh T3 thanh toán số tiền 783.000.000đồng, tiền chi trả 30% giữ lại quyết toán hợp đồng năm 2018, tiền thu gom rác vượt khối lượng và tiền thuê kho, tổng số tiền Công ty TNHH T4 P bị bác yêu cầu là 12.972.452.474 đồng, nên Công ty TNHH T4 P làm đơn kháng cáo.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH T4 không đồng ý thanh toán số tiền chênh lệch thừa do thu gom rác so với số liệu Phòng Tài nguyên và Môi trường lập bộ cũng như xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu Công ty TNHH T4 hoàn trả số tiền 3.108.804.147 đồng thấy rằng:

[4.1] Thực hiện Đề án thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn huyện Đ theo Quyết định số 3198/QĐ-UBND ngày 16/5/2016 và Quyết định số 3220/QĐ-UBND ngày 06/6/2018 về điều chỉnh đề án thu gom rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện Đ giai đoạn 2016-2020. Trong năm 2019 và 6 tháng đầu năm 2020, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ đã ký hợp đồng với Công ty TNHH T4 về việc thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt theo gói thầu số 4 trên địa bàn 2 xã Đ và Đ và gói thầu số 5 gồm địa bàn 6 xã, thị trấn H, T, T, Hòa Khánh T3, Hòa Khánh N1 và Hòa Khánh Đ. Rác thải sinh hoạt sau khi được thu gom, được vận chuyển đến nhà máy V, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh để xử lý theo quy định. Xem xét nội dung các hợp đồng thấy rằng:

[4.2] Thứ nhất, Hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt số 04/2019/HĐDV ngày 09/4/2019 giữa Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ với Công ty TNHH T4 với thời gian thực hiện 6 tháng đầu năm 2019 từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/6/2019 với giá trị hợp đồng là 4.897.528.103 đồng theo giá hợp đồng trọn gói trên địa bàn hai xã Đ và Đ. Theo thỏa thuận tại Điều 8 của hợp đồng thì Công ty TNHH T4 P có nghĩa vụ nộp lại tiền thu phí rác thải trong trường hợp chênh lệch thừa giữa giá trúng thầu và lập bộ thu phí vào ngân sách nhà

nước và nộp tiền xử lý rác thải tại nhà máy xử lý rác thải của Công ty Cổ phần V, kèm theo hợp đồng có phụ lục hợp đồng về yêu cầu, khối lượng công việc và kinh phí dự toán với khối lượng dự toán là 1.219,98 tấn/tháng với kinh phí dự toán là 4.897.528.103đồng. Ngày 05/11/2019, hai bên ký tiếp Phụ lục hợp đồng số 04/PLHĐ-TNMT điều chỉnh giá trị hợp đồng với giá trúng thầu là 4.897.528.103đồng, thu phí vệ sinh theo lập bộ 5.563.647.000đồng, vì vậy Công ty TNHH T4 phải nộp lại số tiền do thu phí vệ sinh cao hơn giá trúng thầu là 666.118.897đồng.

[4.3] Thứ hai, Hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt số 05/2019/HĐDV ngày 09/4/2019 giữa Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ với Công ty TNHH T4 với thời gian thực hiện 6 tháng đầu năm 2019 từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/6/2019 với giá trị hợp đồng là 1.350.000.000đồng theo giá hợp đồng trọn gói trên địa bàn các xã, thị trấn H, T, T, Hòa Khánh T3, Hòa Khánh N1 và Hòa Khánh Đ. Theo thỏa thuận tại Điều 8 của hợp đồng thì Công ty TNHH T4 P có nghĩa vụ nộp lại tiền thu phí rác thải trong trường hợp chênh lệch thừa giữa giá trúng thầu và lập bộ thu phí vào ngân sách nhà nước và nộp tiền xử lý rác thải tại nhà máy xử lý rác thải của Công ty Cổ phần V, kèm theo hợp đồng có phụ lục hợp đồng về yêu cầu, khối lượng công việc và kinh phí dự toán với khối lượng dự toán là 405,58tấn/tháng với 1.350.000.000đồng. Ngày 05/11/2019, hai bên ký tiếp Phụ lục hợp đồng số 05/PLHĐ-TNMT điều chỉnh giá trị hợp đồng với giá trúng thầu là 1.350.000.000đồng, thu phí vệ sinh theo lập bộ 1.466.109.000đồng, vì vậy Công ty TNHH T4 phải nộp lại số tiền do thu phí vệ sinh cao hơn giá trúng thầu là 116.109.000đồng.

[4.4] Thứ ba, Hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt số 040907/2019/HĐDV ngày 09/7/2019 giữa Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ với Công ty TNHH T4 với thời gian thực hiện 6 tháng cuối năm 2019 từ ngày 01/7/2019 đến ngày 31/12/2019 với giá trúng thầu là 4.897.528.103đồng, thu phí vệ sinh theo lập bộ 5.563.647.000đồng theo giá hợp đồng trọn gói trên địa bàn 2 xã Đ và Đ. Công ty TNHH T4 P nộp lại số tiền chênh lệch do thu phí cao hơn giá trúng thầu số tiền 666.118.897 đồng.

[4.5] Thứ tư, Hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt số 050907/2019/HĐDV ngày 09/7/2019 giữa Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ với Công ty TNHH T4 với thời gian thực hiện 6 tháng cuối năm 2019 từ ngày 01/7/2019 đến ngày 31/12/2019 với giá trúng thầu là 1.350.000.000đồng, thu phí vệ sinh theo lập bộ 1.466.109.000đồng theo giá hợp đồng trọn gói trên địa bàn các xã thị trấn H, T, T, Hòa Khánh T3, Hòa Khánh N1 và Hòa Khánh Đ. Công ty TNHH T4 P nộp lại số tiền chênh lệch do thu phí cao hơn giá trúng thầu số tiền 116.109.000đồng.

[4.6] Thứ năm, Hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt số 040605/2020/HĐDV ngày 06/5/2020 giữa Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ với Công ty TNHH T4 với thời gian thực hiện 6 tháng đầu năm 2020 từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020 với chi phí thu gom, vận chuyển là 5.785.207.603 đồng, phí vệ sinh theo lập bộ là 7.137.120.000đồng theo giá hợp đồng trọn gói trên địa bàn 2 xã Đ và Đ. Công ty TNHH T4 P nộp lại số tiền chênh lệch do thu phí cao hơn giá trúng thầu số tiền 1.351.912.937đồng.

[4.7] Thứ sáu, Hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt số 050605/2020/HĐDV ngày 06/5/2020 giữa Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ với Công ty TNHH T4 với thời gian thực hiện 6 tháng đầu năm 2020 từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020 với chi phí thu gom, vận chuyển là 2.021.894.583 đồng, phí vệ sinh theo lập bộ là 2.214.330.000đồng theo giá hợp đồng trọn gói trên địa bàn các xã thị trấn H, T, T, Hòa Khánh T3, Hòa Khánh N1 và Hòa Khánh Đ. Công ty TNHH T4 P nộp lại số tiền chênh lệch do thu phí cao hơn giá trúng thầu số tiền 192.435.417đồng.

[4.8] Căn cứ vào 6 hợp đồng nêu trên thì Công ty TNHH T4 có nghĩa vụ nộp lại số tiền chênh lệch là 3.108.804.147 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, phía Công ty TNHH T4 P cho rằng có khó khăn trong việc thu tiền trong các hộ dân và khối lượng rác thực tế cao hơn khi ký kết hợp đồng do việc lập bộ thiếu số hộ và lượng rác sinh hoạt. Phòng T đã tiến hành kiểm tra khối lượng rác thực tế để so sánh với khối lượng rác do lập bộ theo phản ánh của Công ty TNHH T4. Trên cơ sở kiểm tra thực tế, tại các biên bản kiểm tra khối lượng và biên bản ngày 05/11/2019 giữa Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ với Công ty TNHH T4, được sự thừa nhận của người đại diện hợp pháp của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ là ông Đặng Văn Ú, sau đó ông Ú đại diện Ủy ban nhân dân xã Đ xác định có sự tăng khối lượng rác thải do cân thực tế cao hơn lập bộ và hợp đồng đã ký kết. Do việc cân xác định khối lượng diễn ra vào 6 tháng cuối năm 2019, trên cơ sở yêu cầu của các xã nên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ đã có Báo cáo số 47/BC-PTNMT ngày 14/02/2020 đề xuất hỗ trợ chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải đối với khối lượng rác chênh lệch giữa cân thực tế và khối lượng đổ tại nhà máy V 6 tháng cuối năm 2019 là 3.293.847.363 đồng. Sau khi trừ số tiền nộp lại là 1.564.455.794 đồng, Ngân sách Nhà nước hỗ trợ cho Công ty số tiền là 1.729.391.569 đồng, số tiền này được hỗ trợ khi Công ty TNHH T4 xử lý hết toàn bộ khối lượng rác còn tồn lại tại kho chứa của Công ty. Ông Đặng Văn Ú đại diện cho Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ cho rằng, Phòng T không đồng ý hỗ trợ và khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH T4 hoàn trả số tiền chênh lệch là do có kết luận của cơ quan công an huyện Đ xác định có lỗi của Công ty TNHH T4 trong khi thu gom rác từ nơi khác đến và có sự trộn lẫn với rác thải công nghiệp dẫn đến khối lượng rác dôi dư.

[4.9] Theo Báo cáo số 289/BC-ĐCSKT ngày 24/3/2021 của Công an huyện Đ xác định rằng, Công ty TNHH T4 có thu gom rác thải từ rác sinh hoạt và rác thải công nghiệp không nguy hại, từ tháng 5/2017 đến tháng 01/2020, Công ty TNHH T4 đã thu gom tại Chi nhánh Taserco gồm trên 4.563,45$m^3$ rác thải sinh hoạt và 2.068,75$m^3$ rác thải công nghiệp không nguy hại. Tất cả các lượng rác này không nằm trong hợp đồng thu gom, xử lý giữa Phòng T và Công ty TNHH T4. Tuy nhiên Báo cáo cũng xác định rằng, Công ty TNHH T4 có vận chuyển rác công nghiệp và rác thải rắn công nghiệp qua Công ty TNHH T7 và Công ty Cổ Phần N2 để xử lý. Các lượng rác này không nằm trong hợp đồng thu gom, xử lý giữa Phòng T và Công ty TNHH T4. Công an huyện Đ xác định Công ty TNHH T4 P cho xe đi lấy rác từ các công ty mang về đỗ tại kho thuộc ấp E, Đ, Đ sau đó trộn lẫn với rác trong kho mang đi xử lý hoặc trực tiếp cho xe vận chuyển rác qua Công ty V xử lý. Phía Công ty TNHH T4 không khai báo dẫn đến Phòng T phải chi trả tiền xử lý đối với lượng rác này là sai. Tuy nhiên Công an huyện Đ không xác định được khối lượng

rác thực tế từ nơi khác chuyển sang Công ty V xử lý do Nhà nước chi trả tiền là bao nhiêu, đồng thời có phần trách nhiệm của chính quyền địa phương trong việc quản lý địa bàn, của các cơ quan chức năng trong việc tham mưu khi không căn cứ vào tình hình thực tế để xác định khối lượng rác thải trong dân, cũng như khi biết việc tồn tại của khu rác để trì trệ kéo dài, do thiếu kiểm tra giám sát nên để cho Công ty TNHH T4 thu gom rác từ các công ty đỗ vào kho, trộn vào rác thải sinh hoạt đưa đi xử lý. Như vậy báo cáo số 289/BC-ĐCSKT ngày 24/3/2021 của Công an huyện Đ chưa xác định cụ thể việc thu gom rác nhiều hơn do lập bộ với khối lượng là bao nhiêu và từ nguồn nào. Trong khi đó thực tế Công ty TNHH T4 cũng đã có ký kết hợp đồng thu gom rác thải công nghiệp và mang vào kho chứa nơi khác, đồng thời xử lý tại nhà máy xử lý khác theo các Hợp đồng dịch vụ như Hợp đồng số 010419/HĐ.CTRCN/TTP.2019 ngày 01/4/2019 giữa Công ty TNHH T4 và Công ty CP T6 –Chi nhánh L1 về thu gom rác thải rắn không nguy hại rác công nghiệp cho KCN H, hợp đồng giữa CN Công ty TNHH K1 (T) và Công ty TNHH T4 về thu gom rác thời gian từ ngày 01/6/2019 đến ngày 01/6/2020; Hợp đồng dịch vụ xử lý rác thải và rác công nghiệp từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/12/2020 giữa Công ty TNHH T4 với Công ty Đ2 và một số các hợp đồng khác. Số tiền các đương sự đang tranh chấp không phải là số tiền xử lý rác, vì việc xử lý rác không thuộc phạm vi của gói thầu số 4 và số 5 cũng như không thuộc hợp đồng mà các đương sự đang tranh chấp. Vì vậy không căn cứ vào Báo cáo của Công an huyện Đ làm căn cứ giải quyết vụ án.

[4.10] Từ những nhận định trên có thể xác định có thiệt hại do việc thu gom rác trên địa bàn các xã nhiều hơn khối lượng rác lập bộ, được Phòng T xác nhận trong khoảng thời gian 6 tháng cuối năm 2019. Vì vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH T4 về yêu cầu không phải hoàn trả cho Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ số tiền chênh lệch thừa do thu gom rác thực tế vào lập bộ vào 6 tháng cuối năm 2019 với tổng số tiền là 1.564.455.793 đồng.

[4.11] Đối với 6 tháng đầu năm 2020, không có căn cứ nào xác định khối lượng rác thực tế và cũng không có ý kiến của Phòng T trong việc xác định lại số tiền trong các hợp đồng đã giao kết theo lập bộ. Tại Thông báo số 10965/TB-UBND ngày 10/9/2020, Công ty TNHH T4 cũng chỉ trình bày khó khăn của Công ty là không thu tiền được của người dân, và Ủy ban nhân dân huyện Đ đã không đồng ý với đề xuất của phía Công ty TNHH T4 nên đã tiếp tục đề nghị Công ty TNHH T4 nộp lại số tiền chênh lệch theo các hợp đồng đã giao kết (BL 340), vì vậy không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH T4 đối với yêu cầu không thanh toán số tiền 3.108.804.147 - 1.564.455.793 = 1.544.348.354đồng.

[5] Xét yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH T4 yêu cầu Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ hoàn trả 30% số tiền còn giữ lại chưa thanh toán cho hợp đồng năm 2018 thấy rằng:

Căn cứ vào hợp đồng giao kết, vào Báo cáo số 4056/BC-PTNMT ngày 08/12/2021 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ, Báo cáo số 249/BC-PTNMT ngày 02/8/2021, Báo cáo số 163/BC-PTP ngày 29/10/2021 của Phòng Tư pháp huyện Đức Hòa thì vào năm 2018, Ủy ban nhân dân xã Đ, Đức Hòa Đ1 và thị trấn H có ký hợp đồng thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt với Công ty TNHH

T4, đã quyết toán 70%, còn giữ lại 30%, Phòng T không đồng ý chi trả do chi phí xử lý rác mà ngân sách chi trả cao hơn số kinh phí 3 xã giữ lại nên không đồng ý chi trả. Hội đồng xét xử thấy rằng, việc thu gom rác và xử lý rác là hai giai đoạn khác nhau, không có bất cứ văn bản nào xác định nguyên nhân khối lượng rác tăng lên, không xác định lỗi của Công ty TNHH T4, cũng không có sự thỏa thuận cấn trừ tiền này vào số tiền xử lý rác, vì vậy cần buộc các xã giao kết hợp đồng thu gom rác hoàn trả số tiền 30% kinh phí còn giữ cho Công ty TNHH T4 là 433.785.864đồng, trong đó Ủy ban nhân dân xã Đ còn giữa lại số tiền 258.840.000đồng, Ủy ban nhân dân xã Đ còn giữ số tiền 160.065.864đồng, Ủy ban nhân dân thị trấn H còn giữ số tiền 14.880.000đồng do các xã kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng phải hoàn trả tiền cho Công ty TNHH T4. Tuy nhiên trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án Công ty TNHH T4 chỉ yêu cầu các xã thanh toán số tiền 430.635.259đồng nên chỉ buộc 3 xã thanh toán số tiền này cho Công ty TNHH T4, số tiền chênh lệch thừa được chia đều cho 03 xã. Như vậy Ủy ban nhân dân xã Đ thanh toán 257.789.798đồng, Ủy ban nhân dân xã Đ thanh toán 159.015.662đồng, Ủy ban nhân dân thị trấn H thanh toán số tiền 13.829.798 đồng cho Công ty TNHH T4.

[6] Xét yêu cầu của Công ty TNHH T4 yêu cầu các xã thanh toán số tiền nợ chưa cấp bù gồm Ủy ban nhân dân xã Đ số tiền 512.000.000đồng, Ủy ban nhân dân xã H số tiền 153.000.000đồng, Ủy ban nhân dân xã T số tiền 78.000.000đồng, và Ủy ban nhân dân xã H với số tiền 40.000.000đồng thấy rằng:

Về thực tế cả Công ty TNHH T4 và Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ đều trình bày thừa nhận, Công ty TNHH T4 có thực hiện việc thu gom rác trên các địa bàn này, nhưng lại chưa ký kết hợp đồng để thực hiện, các xã không có cơ sở để thanh toán cho việc thực hiện thu gom rác, Công ty TNHH T4 cũng không chứng minh được khối lượng rác thu gom và đưa xử lý vì vậy cũng không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH T4 đối với yêu cầu này.

[7] Đối với số tiền mà Công ty TNHH T4 yêu cầu Ủy ban nhân dân thị trấn H hoàn trả cấp bù 6 tháng cuối năm 2020, qua đối chiếu, kiểm tra lại thì Công ty TNHH T4 P đã nhận đủ số tiền cấp bù của 2 tháng 11 và 12 năm 2020 là 198.855.000đồng, phía Công ty TNHH T4 rút yêu cầu khởi kiện, được người đại diện của Ủy ban nhân dân xã H đồng ý nên Tòa án hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với yêu cầu phản tố Công ty TNHH T4 đối với yêu cầu đã rút.

[8] Như vậy các xã có nghĩa vụ thanh toán số tiền cấp bù cho Công ty TNHH T4 là 1.610.182.785 -198.855.000 = 1.411.327.785đồng. Tuy nhiên bản án sơ thẩm tuyên giữ lại số tiền này để đảm bảo cho việc thi hành án khi xử lý di dời kho rác của Công ty TNHH T4 P là không có cơ sở. Việc thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án.

[9] Xét yêu cầu của Công ty TNHH T4 yêu cầu Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Đ bồi thường thiệt hại do lập bộ không đúng với số tiền là 10.500.000.000đồng, và chi phí thuê kho tạm là 1.221.000.000đồng thấy rằng:

Công ty TNHH T4 đã thực hiệc việc thu gom rác và giao kết hợp đồng với Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ cùng các xã thuộc huyện trong một thời

gian dài, phải dự liệu và xử lý được việc lưu chứa rác tồn kho, việc gia tăng khối lượng, hỗ trợ kho bãi và các chi phí khác phải được sự đồng ý của đơn vị giao kết hợp đồng, trường hợp phát sinh khối lượng rác lớn hơn giữa các bên phải có sự thỏa thuận hoặc đề xuất, Ủy ban nhân dân huyện Đ và Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ phải có phương án hỗ trợ, nhưng các đơn vị này không đồng ý với ý kiến của Công ty TNHH T4 nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét yêu cầu khởi kiện. Phía bị đơn không cung cấp chứng cứ mới nên cũng không chấp nhận yêu cầu kháng cáo.

[10] Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty TNHH T4 phải chịu án phí trên số tiền phải hoàn trả và số tiền bị bác yêu cầu và không phải chịu án phí phúc thẩm. Riêng Phòng T do các xã kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng hoạt động từ ngân sách nhà nước nên không phải chịu án phí.

[12] Các khoản khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 308, Điều 309 và Điều 311 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty TNHH T4.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 414/2024/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hoà (Tòa án nhân dân khu vực 3-Tây Ninh)

Căn cứ Điều 26, 37, 39, 147, 148, 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 8, Điều 11, Điều 163, Điều 166, Điều 185, Điều 221 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1, 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ do Ủy ban nhân dân xã Đ, Ủy ban nhân dân xã M, Ủy ban nhân dân xã H, Ủy ban nhân dân xã H và Ủy ban nhân dân xã H kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng đối với Công ty TNHH T4.

Buộc Công ty TNHH T4 phải nộp lại số tiền thu phí rác thải do chênh lệch thừa giữa giá trúng thầu và giá lập bộ thu phí vào ngân sách Nhà nước theo các Hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt năm 2019 là số 04/2019/HĐDV ngày 09/4/2019, Hợp đồng 05/2019/HĐDV ngày 09/4/2019, Hợp đồng số 040907/2019/HĐDV ngày 09/7/2019, Hợp đồng số 050907/2019/HĐDV ngày 09/7/2019, Hợp đồng số 040605/2020/HĐDV ngày 06/5/2020 và Hợp đồng số 050605/2020/HĐDV ngày 06/5/2020 với số tiền là 1.564.455.793 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ do Ủy ban nhân dân xã Đ, Ủy ban nhân dân xã M, Ủy ban nhân dân xã H, Ủy ban nhân dân xã H và Ủy ban nhân dân xã H kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng yêu cầu Công ty TNHH T4 nộp lại số tiền 1.544.348.354đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Công ty TNHH T4 đối với Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ do Ủy ban nhân dân xã Đ, Ủy ban nhân dân xã M, Ủy ban nhân dân xã H, Ủy ban nhân dân xã H và Ủy ban nhân dân xã H kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng, về yêu cầu thanh toán tiền nợ của các xã chưa cấp bù gồm: Ủy ban nhân dân xã Đ còn nợ: 911.837.100 đồng; Ủy ban nhân dân xã T còn nợ: 226.965.000 đồng; Ủy ban nhân dân xã H còn nợ: 272.525.685 đồng, tổng cộng 1.411.327.785đồng.

Buộc Ủy ban nhân dân xã Đ do Ủy ban nhân dân xã M kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng thanh toán cho Công ty TNHH T4 số tiền 911.837.100 đồng;

Buộc Ủy ban nhân dân xã T do Ủy ban nhân dân xã H kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng cho Công ty TNHH T4 số tiền 226.965.000 đồng;

Buộc Ủy ban nhân dân xã H do Ủy ban nhân dân xã H thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng cho Công ty TNHH T4 số tiền 272.525.685 đồng.

3. Chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T4 yêu cầu Ủy ban nhân dân thị trấn H do Ủy ban nhân dân xã H kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng thanh toán số tiền cấp bù của 2 tháng 11 và 12 năm 2020 là 198.855.000đồng

Hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ việc giải quyết vụ án về tuyên trách nhiệm trả số tiền 198.855.000đồng của Ủy ban nhân dân thị trấn H do Ủy ban nhân dân xã H kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng đối với Công ty TNHH T4.

Về hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án: Khi có quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự, đương sự không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự đó, nếu việc khởi kiện vụ án sau không có gì khác với vụ án trước về nguyên đơn, bị đơn và quan hệ pháp luật có tranh chấp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 192, điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

4. Chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty T4 đối với Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ yêu cầu Phòng T phải bồi thường 30% (tiền giữ lại quyết toán 30% hợp đồng năm 2018) cho Công ty TNHH T4 P là 430.635.259 đồng.

Buộc Ủy ban nhân dân xã Đ do Ủy ban nhân dân xã M kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng thanh toán cho Công ty TNHH T4 số tiền 257.789.798đồng.

Buộc Ủy ban nhân dân xã Đ do Ủy ban nhân dân xã Đ kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng thanh toán cho Công ty TNHH T4 số tiền 159.015.662đồng.

Buộc Ủy ban nhân dân thị trấn H kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng thanh toán cho Công ty TNHH T4 số tiền 13.829.798 đồng.

5. Bác các yêu cầu sau của Công ty TNHH T4:

- Yêu cầu Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Đ có trách nhiệm thanh toán tiền nợ chưa cấp bù của Uỷ ban nhân dân các xã Đ, xã T, xã H, xã H cho Công ty T4 với số tiền nợ là 783.000.000 đồng,

- Yêu cầu Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ phải trả cho Công ty TNHH T4 khối lượng rác do không xuất lệnh, rác tồn kho là 10.000 tấn tương đương số tiền nợ là 10.500.000.000đồng

- Yêu cầu Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Đ phải trả cho Công ty TNHH T4 chi phí thuê kho tạm tại xã Đ để chứa rác trong 37 tháng là 1.221.000.000đồng.

6. Về án phí:

Công ty TNHH T4 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền trả cho nguyên đơn là 58.933.674 đồng và 120.540.000đồng án phí bị bác yêu cầu, không phải chịu án phí phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 61.151.500 đồng theo biên lai thu số 0009432 ngày 05/01/2022 và 2.000.000đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0005912 ngày 08/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa (Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Tây Ninh). Công ty TNHH T4 P phải nộp bổ sung số tiền 116.322.174 đồng.

Phòng T do Ủy ban nhân dân xã Đ, Ủy ban nhân dân xã M, Ủy ban nhân dân xã H, Ủy ban nhân dân xã H và Ủy ban nhân dân xã H kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng và các Ủy ban nhân dân xã Đ, Ủy ban nhân dân xã M, Ủy ban nhân dân xã H, Ủy ban nhân dân xã H và Ủy ban nhân dân xã H không phải chịu án phí.

7. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

8. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

9. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***
- TANDTC;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND Khu vực 3-Tây Ninh
- Phòng THA KV 3-TN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Kim Nga**